

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/DS-ST

Ngày 31- 3 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Hữu Thái;

- Bà Trần Thị Nguyệt.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thanh Hà – Thẩm tra viên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/3/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2024/TLST-DS ngày 14/10/2024, về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 01/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST-DS ngày 21/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-DS ngày 28/02/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: TDP C, Thị Trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- **Bị đơn:** Anh Hoàng Văn P, sinh năm 1987 (đang ở nước ngoài).

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: TDP C, Thị Trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Chị H1 ủy quyền cho anh Nguyễn Mạnh H tham gia tố tụng tại Tòa án (anh H xin vắng mặt).

Địa chỉ: TDP C, Thị Trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.2. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn, anh Nguyễn Mạnh H trình bày:

Đề nghị Tòa án: Buộc anh Hoàng Văn P và chị Hoàng Thị T phải trả tiền nợ gốc: 593.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng là 71.160.000 đồng.

Cả gốc và lãi là 664.160.000 đồng (sáu trăm sáu mươi tư triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) và lãi suất tiếp theo, theo quy định của pháp luật.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện như sau:

Anh và anh H văn Phong chỉ quen biết xã hội. Gia đình anh kinh doanh vật liệu xây dựng, trong đó có kinh doanh sơn xây dựng; anh lấy sơn của các Công ty sơn về bán lấy lời.

Anh Hoàng Văn P là thợ sơn. Anh và anh P đã gặp nhau và thỏa thuận giao kết hợp đồng mua bán sơn, cụ thể:

- Bên bán sơn là anh (Nguyễn Mạnh H);
- Bên mua sơn là anh Hoàng Văn P;
- Tài sản mua bán là: S trong xây dựng và các sản phẩm phục vụ trong thi công sơn nhà.
- Phương thức thanh toán: Anh P phải trả anh bằng tiền mặt.

Việc thỏa thuận như trên chỉ nói với nhau bằng miệng (không lập văn bản).

Từ đầu năm 2020 đến đầu năm 2023 anh P đã nhiều lần lấy sơn của anh, các lần lấy sơn đều được anh ghi vào sổ, anh P có ký sổ nhận sơn và nhận nợ. Các lần lấy sơn, có lần anh P trả tiền, có lần nợ, có lần trả không hết; những lần như vậy đều được ghi vào sổ của anh và có chốt nợ; các lần trả hết tiền anh sẽ trực tiếp gạch sổ và thông báo cho anh P biết là đã thanh toán xong. Qua nhiều lần lấy sơn như vậy, đến ngày 15/3/2023 anh và anh P đã thống nhất lập giấy chốt nợ, cụ thể: Anh P còn nợ anh 593.000.000 đồng.

Sau khi thống nhất khoản nợ trên, anh đã nhiều lần yêu cầu anh P thanh toán tiền, nhưng anh P không thanh toán; anh gọi điện thì anh P không nghe máy. Như vậy anh P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền.

Trong quá trình bán sơn cho anh P và anh không thỏa thuận chiết khấu %. Nhưng nếu anh P trả nợ đầy đủ, đúng hạn thì anh cũng bớt cho anh P một phần tiền, đến nay anh P không tự nguyện trả nợ, nên anh không đồng ý bớt tiền cho anh P.

Do anh P không trả tiền cho anh, đã xâm phạm đến quyền lợi của anh, nên anh khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của mình.

Ngày 21/3/2025 anh H rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Anh rút yêu cầu tính lãi 71.160.000 đồng và anh xin rút yêu cầu buộc chị Hoàng Thị T là vợ anh P phải trả nợ cùng anh P; vì lý do: Chị T không tham gia giao dịch gì trong việc bán sơn cho anh P; chị T cũng không trực tiếp lấy sơn của anh lần nào.

* Tại lời khai ngày 21/11/2024 bị đơn anh Hoàng Văn P trình bày:

Anh làm nghề xây dựng, sơn tường và nhận công trình xây dựng để sơn. Anh H là chủ cửa hàng bán sơn, nên quen biết nhau.

Anh và anh H thỏa thuận giao kết hợp đồng bằng lời nói (miệng): Anh là người mua sơn, còn anh H là người bán sơn; anh H giao sơn cho anh, anh phải trả anh H bằng tiền mặt và anh H sẽ chiết khấu % cho anh theo tỷ lệ là 58%. Tỷ lệ chiết khấu theo tổng số hàng anh lấy.

Anh chính thức lấy sơn của anh H từ đầu năm 2020. Anh đã nhiều lần lấy sơn của anh H. Các lần lấy sơn của anh H đều phải ký vào sổ của anh H. Anh lấy sơn không trả tiền ngay mà chỉ ký sổ nợ, khi nào chủ công trình thanh toán tiền thì anh trả anh H, việc lấy sơn và trả tiền các lần kế tiếp nhau. Anh lấy sơn của anh H rất nhiều lần, cụ thể anh không thể nhớ được. Ngày 15/3/2023 anh và anh H thống nhất chốt nợ, anh còn nợ anh H 593.409.000 đồng.

Trong tổng số tiền 593.409.000 đồng thì có 293.409.000 đồng hai bên đã trừ chiết khấu; còn 300.000.000 đồng chưa trừ chiết khấu.

Số tiền 300.000.000 đồng trừ chiết khấu 58% là 174.000.000 đồng, như vậy anh chỉ còn nợ anh H:

$300.000.000 \text{ đồng} - 174.000.000 \text{ đồng} = 126.000.000 \text{ đồng}.$

Cộng cả 2 khoản là: $293.409.000 \text{ đồng} + 126.000.000 \text{ đồng} = 419.409.000 \text{ đồng}.$ Anh xác định chỉ còn nợ anh H 419.409.000 đồng.

Vợ anh là Hoàng Thị T không liên quan gì đến giao dịch giữa anh và anh H và anh không sử dụng tiền vào mục đích tiêu dùng gia đình.

Anh công nhận chữ ký trong giấy: “*giấy hẹn nợ*” ngày 15/3/2023 là chữ ký của anh.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị H1 ủy quyền cho anh Nguyễn Mạnh H tham gia tố tụng.

- Chị Hoàng Thị T không nộp bản tự khai và không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án trong suốt quá trình thu thập chứng cứ.

* Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh H xin vắng mặt;

Bị đơn anh Hoàng Văn P và chị Hoàng Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

Áp dụng các Điều 430, Điều 440 của BLDS; Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh H, buộc anh Hoàng Văn P phải trả anh Nguyễn Mạnh H số tiền 593.409.000 đồng.
- Đình chỉ yêu cầu tính lãi của anh Nguyễn Mạnh H.
- Về án phí: Anh Hoàng Văn P phải chịu 27.736.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Từ đầu năm 2020 đến đầu năm 2023 nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh H và bị đơn anh Hoàng Văn P đã nhiều lần thỏa thuận giao kết hợp đồng mua bán sơn xây dựng. Anh H cho rằng anh P chưa thanh toán hết tiền, nên anh H khởi kiện vụ án ra Tòa án, yêu cầu anh P phải thanh toán số tiền chưa trả. Do đó xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự, mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (sơn xây dựng). Quan hệ pháp luật được xác định theo qui định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự. Theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam. Do đó Tòa án nhân dân huyện Lục Nam thụ lý vụ án là đúng qui định.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Hoàng Văn P đi nước ngoài. Căn cứ Điều 471 của BLTTDS thì Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiếp tục giải quyết vụ án.

[1.3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H1, do anh H đại diện có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

- Bị đơn anh Hoàng Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt được sự theo khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Xét thấy: Anh Nguyễn Mạnh H và anh Hoàng Văn P có quan hệ xã hội. Anh H có cửa hàng bán sơn xây dựng; anh P là thợ sơn công trình xây dựng. Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2020 đến đầu năm 2023 anh H và anh P đã thỏa thuận giao kết hợp đồng mua bán sơn. Trong đó anh H là bên bán sơn, còn anh P là bên mua sơn. Khi giao kết hợp đồng hai bên thỏa thuận ghi vào sổ của anh H; các lần mua bán sơn có lần anh P (bên mua) trả tiền, có lần nợ lại; các lần đều được anh H ghi lại. Đến đầu năm 2023 thì anh H không bán sơn cho anh P nữa (chấm dứt hợp đồng bán sơn), vì anh P chưa thanh toán hết tiền cho anh H; hai bên thống nhất viết giấy chốt nợ ghi ngày 15/3/2023 anh P còn nợ anh H 593.409.000 đồng. Điều này anh H và anh P đều công nhận.

Việc công nhận viết giấy chốt nợ ngày 15/3/2023 của anh P là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo qui định tại Điều 92 của BLTTDS.

- Anh H cho rằng tính đến ngày viết giấy 15/3/2023 thì anh P còn nợ 593.409.000 đồng.

- Còn anh P cho rằng: Mặc dù viết giấy như trên, nhưng thực tế có 2 khoản nợ: Khoản nợ 293.409.000 đồng hai bên đã trừ chiết khấu; còn 300.000.000 đồng chưa trừ chiết khấu.

Số tiền 300.000.000 đồng trừ chiết khấu 58% là 174.000.000 đồng, như vậy anh chỉ còn nợ anh H:

$300.000.000 \text{ đồng} - 174.000.000 \text{ đồng} = 126.000.000 \text{ đồng}.$

Cộng cả 2 khoản là: $293.409.000 \text{ đồng} + 126.000.000 \text{ đồng} = 419.409.000 \text{ đồng}.$ Anh xác định chỉ còn nợ anh H 419.409.000 đồng.

Xét thấy: Theo nội dung giấy chốt nợ, không thể hiện nội dung 2 khoản nợ và không có nội dung chiết khấu % của số nợ; anh H không công nhận nội dung anh P trình bày; anh P cũng không đưa ra được căn cứ gì chứng minh cho việc trừ chiết khấu % trong số tiền trên. Do đó không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của anh P.

Mặt khác, nội dung giấy chốt nợ ngày 15/3/2023 thể hiện anh P còn nợ anh H số tiền 593.409.000 đồng. Như vậy tính đến ngày 15/3/2023 anh P còn nợ anh H số tiền là 593.409.000 đồng.

Anh H đã yêu cầu anh P thanh toán số tiền trên, nhưng anh P không thanh toán; anh P đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho anh H, nên anh H khởi kiện yêu cầu anh P phải trả số tiền trên là có căn cứ, cần chấp nhận. Buộc anh P phải trả cho anh H 593.409.000 đồng theo giấy: “*Giấy hẹn nợ ngày 15/3/2023*” là phù hợp với qui định tại các Điều: 274, 275 và 280 của BLDS.

Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, anh H xác định chị T là vợ anh P không liên quan đến việc giao dịch, giao kết hợp đồng mua bán sơn và nhận nợ; anh H cũng rút yêu cầu không buộc chị T phải trả nợ cùng anh P. Xét thấy việc rút yêu cầu của anh H về việc buộc chị T phải trả nợ cùng anh P là

hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, nên cần chấp nhận; không xác định chị T là bị đơn, mà cần xác định chị Hoàng Thị T tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- Ngày 21/3/2025 anh H rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu anh P phải trả lãi là 71.160.000 đồng. Xét thấy: Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh H là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Do đó cần đình chỉ yêu cầu này.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự (tiền án phí không tính lãi).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều: 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh P phải chịu 27.736.000 đồng theo qui định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trả lại anh H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2.4] Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự ở trong nước vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Báo cho đương sự đang ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trọng hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 116, 117, 118, 119, 274, 275, 276, 280, 357, 385, 398, 40, khoản 1 điều 402, 422, 430, 431, 433, 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Các Điều: Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 144, 147, Điều 150, khoản 1 và 3 Điều 228; 238, 271. Điều 273, 471 và 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh H.

- Buộc anh Hoàng Văn P phải trả anh Nguyễn Mạnh H là 593.409.000 đồng (năm trăm chín mươi ba triệu bốn trăm linh chín ngàn đồng) theo giấy: “*Giấy hẹn nợ ngày 15/3/2023*”.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền cha thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự (tiền án phí không tính lãi).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều: 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Đình chỉ yêu cầu của anh Nguyễn Mạnh H về việc buộc anh Hoàng Văn P và chị Hoàng Thị T phải trả lãi suất là 71.160.000 đồng.

2. Về án phí:

- Anh Hoàng Văn P phải chịu 27.736.000 đồng (hai mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi sáu ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Nguyễn Mạnh H 15.280.000 đồng (mười lăm triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: 0008474 ngày 11/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự ở trong nước vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Báo cho anh Hoàng Văn P ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS, VT.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh